

Số: 04/2022/QĐST-HNGĐ

KS, ngày 11 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 03/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Nguyễn Thị M** - sinh năm 1966.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn CC, xã ST, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

Ông **Thái T** – sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn CC, xã ST, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1985, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã ST, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01, ngày 16/6/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Thái T sống tại thôn CC, xã ST, huyện KS. Thời gian đầu vợ chồng ông, bà sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và có 04 con chung, nhưng đến năm 2019, vợ chồng ông, bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lời qua tiếng lại trong cách cư xử, làm cho tình cảm vợ chồng nhạt phai, không thể hòa giải được, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay vợ chồng bà M, ông T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, nay bà M, ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ

chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông, bà đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng ông, bà.

[2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T có 04 con chung là cháu Thái Tiến A - sinh ngày 10/3/1986, cháu Thái Thị Huyền N - sinh ngày 12/6/1987, cháu Thái Thị Vương A - sinh ngày 24/11/1989 và cháu Thái Thị Phúc H - sinh ngày 17/12/1992.

Hiện nay các đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà M, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các khoản nợ chung: Không có nên không xét.

[4] *Về lệ phí*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T mỗi người nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà M, ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2021/0008142 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh KH. Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T có 04 con chung là cháu Thái Tiến A - sinh ngày 10/3/1986, cháu Thái Thị Huyền N - sinh ngày 12/6/1987, cháu Thái Thị Vương A - sinh ngày 24/11/1989 và cháu Thái Thị Phúc H - sinh ngày 17/12/1992.

Hiện nay các đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà M, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các khoản nợ chung: Không có nên không xét.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T mỗi người nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà M, ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2021/0008142 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. Bà Nguyễn Thị M và ông Thái T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- UBND xã ST, huyện KS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

TRƯƠNG VĂN VƯƠNG